

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Khoa

Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 785/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ I, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đình Quốc V, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Chị và anh Lê Đình Quốc V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh chị đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Trước kia vợ chồng cùng nhau sống tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng từ đầu năm 2023 khi mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, anh V đã bỏ về nhà tại ấp B, xã X,

huyện X, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Anh chị không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đình Quốc V trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống mâu thuẫn giữa anh và chị T không quá trầm trọng như chị T trình bày, chỉ là do chị T làm quá lên. Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2022 anh có chơi bời gây ra nợ nần khiến vợ anh không tha thứ. Hiện nay, anh đã biết lỗi và mong muốn chị T cho anh thêm một cơ hội thay đổi bản thân, vợ chồng hàn gắn tình cảm để về sống với nhau như trước kia. Anh hứa sẽ thay đổi bản thân nếu chị T cho anh thêm cơ hội. Anh còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: anh chị không có con chung.

Về tài sản chung: anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: anh chị không có nợ chung.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh V. Về con chung: không có đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình Quốc V nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lê Đình Quốc V có nơi cư trú tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh V, nên xác định chị T là nguyên đơn, anh V là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị T trình bày cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình. Anh chị đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Trước kia vợ chồng cùng nhau sống tại thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng từ đầu năm 2023 khi mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, anh V đã bỏ về nhà tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Anh chị không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Anh V không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ. Anh hứa sẽ thay đổi bản thân nếu chị T cho anh thêm cơ hội, anh xin được đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, anh V không đưa ra được phương án hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh V đến tham gia các phiên hòa giải nhưng anh V vắng mặt không có lý do, cho thấy anh V thờ ơ, không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn. Từ đó nhận thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh V mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T và anh V không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh V khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T và anh V khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Lê Đình Quốc V. Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 192 ngày 02/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009046 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương